

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 021/VCF/2024**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là ("VCF")

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554 Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 số 38161802002 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN (IC35)**

**2. Thành phần:** Cà phê 65 %, đậu nành 35 %

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc

12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế, sau đó được đóng vào thùng carton với quy cách 1 bao/thùng. Khối lượng tịnh: 25 kg.

- Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế. Khối lượng tịnh: 320 kg.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- D: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

*Handwritten signature*



- L: Nhà máy cà phê Biên Hòa II – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III – 3+5+7, Khu Công Nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

(địa chỉ sản xuất được mã hóa thành ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX-HSD)

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm** (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền)
2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê.
3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 03 tháng 12 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
  
  
*Huỳnh Công Hoàn*

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 021/VCF/2024

|                                         |                                  |                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CÔNG TY<br>CỔ PHẦN VINACAFÉ<br>BIÊN HÒA | NHÓM SẢN PHẨM<br>CÀ PHÊ          | Số TCCS 23:2024/BH106                                                                                                                            |
|                                         | HỖN HỢP CÀ PHÊ<br>HÒA TAN (IC35) | Có hiệu lực kể từ ngày hoàn<br>tất thủ tục tự công bố và/hoặc<br>thủ tục thông báo bằng văn<br>bản đến cơ quan quản lý nhà<br>nước có thẩm quyền |

1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

- Trạng thái: Dạng bột, tơi khô, không vón cục, không có vật lạ.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng.
- Mùi, vị: Thơm cà phê, khói rang, ngũ cốc rang, không có mùi lạ.
- Vị: đắng dịu, thể chất đậm, ít chua và hậu dịu.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

| TT | Tên chỉ tiêu      | Đơn vị tính  | Mức công bố |
|----|-------------------|--------------|-------------|
| 1  | Độ ẩm             | % khối lượng | $\leq 5,0$  |
| 2  | Hàm lượng caffein | % khối lượng | $\geq 2,5$  |

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

| TT | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Mức tối đa      |
|----|---------------------------------|-------------|-----------------|
| 1  | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g       | $10^3$          |
| 2  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | CFU/g       | $10^4$          |
| 3  | <i>Salmonella</i>               | /25 g       | Không phát hiện |

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

26 NOV 2024

|   |                           |       |                 |
|---|---------------------------|-------|-----------------|
| 4 | <i>Enterobacteriaceae</i> | CFU/g | 10 <sup>2</sup> |
|---|---------------------------|-------|-----------------|

- 4. Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê:

| TT | Tên chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------------------|-------------|------------|
| 1  | Hàm lượng chì (Pb)       | mg/kg       | 2,0        |
| 2  | Hàm lượng arsen (As)     | mg/kg       | 1,0        |
| 3  | Hàm lượng cadmi (Cd)     | mg/kg       | 1,0        |
| 4  | Hàm lượng thủy ngân (Hg) | mg/kg       | 0,05       |

- 5. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

| TT | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|------------------------|-------------|------------|
| 1  | Hàm lượng Ochratoxin A | µg/kg       | 10,0       |







Số: **026521** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 20793.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,  
TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN(IC35)  
Ngày lấy mẫu : 22/08/2024  
Lượng mẫu : 01 gói x 500 g  
Ngày nhận mẫu : 23/08/2024  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân  
Thời gian thử nghiệm : 23/08/2024-04/09/2024

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp                                          | Kết quả                       | Đơn vị |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|
| 1   | Độ ẩm                         | AOAC 979.12                                          | 3,70                          | %      |
| 2   | Arsen (As) tổng               | HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)                              | < 0,05                        | mg/kg  |
| 3   | Cadimi (Cd)                   | HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)                              | < 0,05                        | mg/kg  |
| 4   | Thủy ngân (Hg)                | HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)                              | Không phát hiện<br>LOD = 0,02 | mg/kg  |
| 5   | Chì (Pb)                      | HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)                              | Không phát hiện<br>LOD = 0,02 | mg/kg  |
| 6   | Ochratoxin A                  | HD.PP.17/TT.SK: 2023 (Ref.<br>AOAC 2004.10) (a)      | Không phát hiện<br>LOD = 0,3  | µg/kg  |
| 7   | Caffein                       | HD.PP.02/TT.SK:2023 (a)                              | 2,88                          | %      |
| 8   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí  | AOAC 966.23 (a) (e)                                  | < 10                          | CFU/g  |
| 9   | Enterobacteriaceae            | TCVN 5518-2:2007 (a)                                 | < 10                          | CFU/g  |
| 10  | Salmonella spp.               | TCVN 10780-1:2017; ISO<br>6579-1:2017/Amd 1:2020 (a) | Không phát hiện               | /25 g  |
| 11  | Định lượng nấm men và nấm mốc | TCVN 8275-2:2010 (ISO<br>21527-2:2008) (a) (e)       | < 10                          | CFU/g  |

NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)



**HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN (IC35)**

**LOẠI:** (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

**Khối lượng tịnh:** 25 kg

**Thành phần:** Cà phê 65 %, đậu nành 35 %

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

**Sản xuất theo số TCCS** 23:2024/BH106

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc  
12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**



**Sản phẩm chất lượng của** VINACAFÉ BH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

26 NOV 2024



## NHÂN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)



**LOẠI:** (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

**Khối lượng tịnh:** 320 kg

**Thành phần:** Cà phê 65 %, đậu nành 35 %

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

**Sản xuất theo số TCCS 23:2024/BH106**

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc  
12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng.**



**Sản phẩm chất lượng của VINACAFÉ BH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

A blue ink signature is written over the date.  
**26 NOV 2024**